

Số: 263/BC-UBND

Thanh Trị, ngày 05 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO

**Tình hình kinh tế - xã hội năm 2019 và mục tiêu, nhiệm vụ,
giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội năm 2020**

Phần thứ nhất TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2019

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

Thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của HĐND huyện về mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội năm 2019. Trên cơ sở kế hoạch đề ra, UBND huyện đã tập trung chỉ đạo điều hành thực hiện tốt giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2019.

Giá trị sản phẩm thu hoạch trên 1 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản đạt 142 triệu đồng - *đạt 100%*; giá trị sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản 3.022 tỷ đồng (giá so sánh 2010) - *đạt 100%*. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội 4.200 tỷ đồng - *đạt 105%*; lĩnh vực văn hóa xã hội có nhiều tiến bộ, các chính sách an sinh xã hội luôn được quan tâm và thực hiện kịp thời, tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững ổn định. Kết quả cụ thể đạt được ở các lĩnh vực như sau:

1. Nông nghiệp và phát triển nông thôn

Năm 2019, huyện đã gieo trồng được 55.196 ha lúa (tính theo năm lương thực) - *đạt 100,48%*, năng suất bình quân 6,79 tấn/ha (tăng 0,15 tấn/ha so cùng kỳ) - *đạt 100,3%*; tổng sản lượng lúa cả năm đạt 374.781 tấn - *đạt 100,78%* (trong đó, sản lượng lúa đặc sản đạt 271.600 tấn, chiếm 72,47% - *đạt 90,59%*). Có 18.059 ha lúa được liên kết sản xuất, chiếm 33% so diện tích sản xuất. Lợi nhuận bình quân từ 15-18 triệu đồng/ha, lúa đặc sản từ 20-23 triệu đồng/ha.

Diện tích trồng màu 10.742 ha (tăng 77 ha so cùng kỳ) - *đạt 100,59%*, năng suất đạt 16 tấn/ha, sản lượng đạt 171.872 tấn - *đạt 100,59%*.

Chăn nuôi: Đàn heo hiện có 10.512 con (giảm 10.924 con so cùng kỳ); đàn trâu, bò 11.765 con (tăng 1.349 con so cùng kỳ) - *đạt 101,42%* (trong đó đàn bò 8.264 con - *đạt 105,95%*); đàn gia cầm 1.329.400 con (tăng 93.400 con so cùng kỳ) - *đạt 102,26%*.

Tình hình bệnh Dịch tả heo Châu Phi: Tính đến nay, toàn huyện đã tiêu hủy 8.035 con heo mắc bệnh, tổng trọng lượng 574 tấn trên địa bàn 62 ấp của 10 xã, thị trấn. Hiện nay, huyện đã hỗ trợ xong 3 đợt với tổng số tiền trên 15.279 triệu đồng.

Diện tích nuôi trồng thủy sản 4.023 ha (giảm 5 ha so cùng kỳ) - đạt 100,58%; sản lượng 12.000 tấn - đạt 100%.

Từ nguồn vốn nông - lâm - thủy, huyện đã triển khai thực hiện 05 mô hình, trong đó: mô hình màu xuống ruộng với 54,33 ha/132 hộ, hiệu quả mô hình trồng dưa lê lợi nhuận bình quân 70 triệu đồng/ha, các loại rau màu khác từ 40-70 triệu đồng/ha; mô hình sản xuất nông nghiệp tổng hợp; mô hình trồng rau hướng an toàn, lợi nhuận bình quân từ 2,5-4,5 triệu đồng/vụ/mô hình; mô hình chăn nuôi dê; mô hình nuôi rắn hổ hành.

Triển khai thực hiện các chương trình, dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia với tổng kinh phí 6.814,435 triệu đồng.

Thành lập mới 02 HTX; 09 THT, theo đó đã giải thể 16 THT không hoạt động và hoạt động không hiệu quả, lũy kế đến nay toàn huyện có 15 HTX, 308 THT và 16 kinh tế trang trại. Trong năm, huyện đã tổ chức 77 lớp tập huấn, 17 cuộc hội thảo với 3.063 nông dân tham dự.

Thực hiện Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP), Sản phẩm Gạo Tài nguyên được công nhận đạt hạng 4 sao và Sản phẩm khô trâu đạt hạng 03 sao cấp tỉnh (theo Quyết định 3075/QĐ-UBND, ngày 23/10/2019 của UBND tỉnh).

Về xây dựng Nông thôn mới: hiện nay, trên địa bàn huyện có 3 xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã Vĩnh Thành cơ bản hoàn thành 19 tiêu chí, xã Lâm Kiệt đạt 17 tiêu chí, các xã còn lại đạt 15 tiêu chí; xã Vĩnh Lợi đạt 18/19 tiêu chí nông thôn mới nâng cao.

Về công tác giao thông thủy lợi, hoàn thành nạo vét 28/25 công trình giao thông thủy lợi mùa khô với tổng chiều dài 21.736m, các công trình đưa vào sử dụng đáp ứng yêu cầu phục vụ tốt cho sản xuất nông nghiệp.

Công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn được quan tâm triển khai thực hiện tốt, hỗ trợ kịp thời cho các hộ bị thiệt hại do ảnh hưởng giông lốc (25 căn nhà và 01 phòng học) với tổng kinh phí 230 triệu đồng.

2. Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ

Trong năm, phát triển mới 05 cơ sở sản xuất công nghiệp - TTCN, lũy kế 335 cơ sở với 956 lao động; có 174 hộ đăng ký kinh doanh mới (giảm 56 hộ đăng ký mới so cùng kỳ). Giá trị CN - TTCN của huyện đạt 300 tỷ đồng (tăng 65,75% so cùng kỳ) - đạt 120%. Toàn huyện có 3.914 cơ sở sản xuất kinh doanh hoạt động tương đối ổn định, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội ước đạt 4.200 tỷ đồng (tăng 0,72% so cùng kỳ) - đạt 105%. Các cơ sở sản xuất kinh doanh hoạt động ổn định, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt thiết yếu của người dân, không có tình trạng khan hiếm hay tăng giá đột biến. Tạo điều kiện cho các công ty, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh tổ chức các chuyến đưa hàng Việt về nông thôn nhằm hưởng ứng cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”.

Lắp đặt kéo điện mới cho 465 hộ - đạt 465% (88 hộ Khmer - đạt 293,33%). Tuyên truyền, vận động doanh nghiệp, người dân sử dụng tiết kiệm điện trong sản xuất kinh doanh và sinh hoạt hàng ngày, hưởng ứng Chiến dịch Giờ Trái đất năm 2019.

Cấp 74 giấy phép xây dựng với tổng diện tích 8.370m². Kiểm tra, phát hiện và xử lý 07 trường hợp vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng, chủ yếu là xây dựng lấn chiếm hành lang đường bộ với số tiền xử phạt 130 triệu đồng.

Thực hiện tốt công tác duy tu, sửa chữa các công trình giao thông, sắp xếp ổn định trật tự bến bãi, phục vụ nhu cầu đi lại, giao thương hàng hóa của người dân.

3. Tài chính - tín dụng và đầu tư công

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 32.100 triệu đồng - đạt 106,29%, Tổng chi ngân sách huyện 517.134 triệu đồng, chủ yếu là chi thường xuyên và chi xây dựng cơ bản. Công tác quản lý điều hành thu - chi ngân sách được thực hiện chặt chẽ, đúng quy định; thực hiện tốt chủ trương thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Triển khai 98 công trình xây dựng cơ bản với tổng kế hoạch vốn 187.385 triệu đồng; khối lượng thực hiện 168.637 triệu đồng; giải ngân 164.587 triệu đồng - đạt 87,83% kế hoạch vốn; ước đến cuối năm giải ngân 186.943 triệu đồng - đạt 99,76%.

Tổng huy động vốn Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT 440.000 triệu đồng, doanh số cho vay đạt 595.000 triệu đồng, thu nợ 590.000 triệu đồng. Tổng dư nợ 635.000 triệu đồng, nợ xấu chiếm 0,3%/tổng dư nợ. Ngân hàng CSXH doanh số cho vay 69.835 triệu đồng, thu nợ 45.531 triệu đồng. Tổng dư nợ 358.691 triệu đồng, trong đó nợ quá hạn chiếm 1,8% trên tổng dư nợ.

4. Văn hóa - xã hội, tài nguyên và môi trường

Thực hiện tốt công tác thông tin tuyên truyền nhiệm vụ chính trị của địa phương, hoạt động văn hóa, văn nghệ - thể dục thể thao với mục tiêu hướng về cơ sở đảm bảo tốt nhu cầu phục vụ đời sống tinh thần cho nhân dân; có nhiều hoạt động đạt thành tích cao như: Liên hoan Tuyên truyền Lưu động tỉnh Sóc Trăng lần thứ 27, kết quả đạt giải B toàn đoàn, giải A trích đoạn cải lương, 02 giải tiết mục xuất sắc; tham gia các hoạt động trong khuôn khổ Lễ hội Oóc Om Bóc - Đua ghe Ngo tỉnh Sóc Trăng lần thứ IV khu vực đồng bằng Sông Cửu Long (đua ghe ngo Nam kết quả đạt giải ba, giải nhất); công nhận 74/74 ấp đạt danh hiệu ấp văn hóa (công nhận lại 14 ấp, giữ vững danh hiệu 60 ấp), 121 cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt danh hiệu cơ quan văn hóa.

Chất lượng giáo dục - đào tạo tiếp tục được nâng lên: Tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi ra lớp năm học 2019 - 2020 đạt 94,37% cụ thể: Nhà trẻ - đạt 78%; Mẫu giáo - đạt 79,58%; Tiểu học - đạt 98,98 %; THCS - đạt 96,55%; THPT - đạt 99,20%. Trong năm, có 04 trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia - đạt 100%, nâng tổng số 32 trường đạt chuẩn quốc gia. Tổ chức tốt kỳ thi THPT Quốc gia trên địa bàn huyện, kết quả tốt nghiệp đạt 96,23%. Thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục, trong năm đã vận động tài trợ giúp đỡ trên 1.000 học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn với số tiền trên 800 triệu đồng.

Công tác khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân luôn được quan tâm; công tác phòng, chống dịch bệnh được theo dõi, quản lý chặt chẽ, xử lý kịp thời 68 ca sốt xuất huyết, 32 ổ dịch (tăng 29 ca, 17 ổ dịch so cùng kỳ); bệnh tay - chân - miệng 122 ca, 13 ổ dịch (giảm 17 ca, 11 ổ dịch so cùng kỳ). Có 10/10 xã, thị trấn đạt 10 tiêu chí quốc gia về y tế xã. Số người tham gia BHYT 97.173 người, chiếm

tỷ lệ 98,22% - đạt 100,02% chỉ tiêu tình giao (trong đó BHYT tự nguyện là 4.796 người, chiếm 73,29% - đạt 90,93% chỉ tiêu tình giao; BHYT bắt buộc đạt 93,35% - đạt 93,44% chỉ tiêu tình giao). Tổ chức kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm 277 lượt/228 cơ sở kinh doanh thực phẩm, phát hiện 23 cơ sở vi phạm các quy định an toàn thực phẩm cho các cơ sở cam kết và buộc khắc phục.

Triển khai kịp thời các chính sách an sinh xã hội, tổ chức thăm viếng, chúc tết các Mẹ Việt Nam Anh hùng, gia đình chính sách tiêu biểu, người có công,... với tổng số 2.104 phần quà trị giá trên 564 triệu đồng. Tổ chức họp mặt trực tuyến điểm cầu tỉnh, huyện, xã, thị trấn kỷ niệm 72 năm ngày Thương binh liệt sĩ (27/7/1947-27/7/2019) với 1.417 đại biểu, đồng thời UBND tỉnh tặng Bằng khen cho 01 tập thể, 01 cá nhân và UBND huyện tặng Giấy khen cho 20 cá nhân có nhiều thành tích đóng góp trong công tác thương binh liệt sĩ; cấp 1.417 phần quà lưu niệm số tiền trên 365 triệu đồng. Kịp thời trợ cấp thường xuyên, truy lĩnh cho người có công và gia đình chính sách với số tiền trên 17.440 triệu đồng; triển khai Dự án Phòng chống đuối nước trẻ em giai đoạn 2018 - 2019, mở 30 lớp dạy bơi cho 600 em tham gia; triển khai xây dựng 40 căn nhà ở cho hộ nghèo theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ với số tiền 1 tỷ đồng.

Kết quả điều tra rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2019 có 1.101 hộ thoát nghèo và phát sinh 18 hộ nghèo, số hộ nghèo cuối năm 1.488 hộ - chiếm 6,69% (giảm 4,87%), trong đó: có 814 hộ Khmer nghèo - chiếm 10,79% (giảm 7,61%); thoát cận nghèo 1.127 hộ và phát sinh 393 hộ cận nghèo, số hộ cận nghèo 2.174 hộ - chiếm 9,77% (giảm 3,31%), trong đó: có 1.066 hộ Khmer cận nghèo - chiếm 14,13% (giảm 5,01%).

Công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm: dạy nghề với 3.049 người - đạt 101,63%; mở 24 lớp dạy nghề ngắn hạn với 735 người (các lớp may công nghiệp, nuôi bò, nuôi gà, trồng màu...). Giới thiệu giải quyết việc làm mới 3.153 người - đạt 105,10%; xuất khẩu lao động 33 người - đạt 110% (tại các thị trường Malaysia, Nhật Bản, Đài Loan, Lào...).

Cấp 3.514 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (260 giấy đăng ký ban đầu); lũy kế từ trước đến nay cấp được 60.331 giấy (35.379 giấy đăng ký ban đầu) với 26.442,57 ha đạt 99,9% diện tích đất phải cấp. Hoàn thành công tác lập kế hoạch, thông báo công khai kế hoạch sử dụng đất năm 2019.

Thực hiện tốt công tác thông tin tuyên truyền, nâng cao ý thức tự giác, tích cực bảo vệ môi trường, thông qua việc tổ chức các hoạt động hưởng ứng các ngày lễ lớn như: Ngày Đất ngập nước thế giới năm 2019, ngày Quốc tế đa dạng sinh học 22/5, tổ chức Mittinh hưởng ứng ngày Môi trường thế giới tại xã Lâm Kiết, hưởng ứng chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn ở xã Thạnh Trị và Châu Hưng. Trong năm, huyện đã cấp 63 giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường, lũy kế đã cấp 772 giấy. Tổ chức kiểm tra 85 cơ sở và 08 bãi rác, kết quả: đa số các cơ sở thực hiện khá tốt các quy định về bảo vệ môi trường.

5. Quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội, thanh tra - tư pháp - nội vụ

Tổ chức phối hợp tuần tra, canh gác theo Nghị định 77/2010/NĐ-CP được 695 cuộc với 4.170 lượt đồng chí tham gia. Tổ chức lễ giao nhận quân năm 2019 đạt chỉ tiêu tình giao; đồng thời thực hiện tốt các bước tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2020. Tiếp nhận 77 quân nhân xuất ngũ về địa phương. Hoàn thành công tác tuyển sinh quân sự năm 2019, kết quả có 04/25 thí sinh trúng tuyển vào các trường trong quân đội. Tổ chức thành công diễn tập khu vực phòng thủ huyện và chỉ đạo xã Thạnh Trị, thị trấn Phú Lộc diễn tập đúng kế hoạch, kết quả đều đạt loại giỏi. Tham gia bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh (QPAN) cho các đối tượng 358 đồng chí. Tổ chức sơ kết 10 năm xây dựng nền quốc phòng toàn dân (giai đoạn 2009 - 2019).

Trong năm, phát hiện 24 vụ có dấu hiệu của tội phạm về trật tự xã hội (giảm 06 vụ so cùng kỳ), đã đấu tranh làm rõ 21 vụ, 24 đối tượng, tỷ lệ khám phá đạt 87,5%; bắt quả tang, khởi tố 04 vụ 06 đối tượng mua bán trái phép chất ma túy (tăng 02 vụ so cùng kỳ); phát hiện 02 vụ 04 đối tượng phạm tội trên lĩnh vực kinh tế (01 vụ tàng trữ hàng cấm, 01 vụ tham ô tài sản), kết quả đã khởi tố vụ án theo quy định. Về trật tự xã hội, bắt 28 vụ 187 đối tượng đánh bạc ăn tiền (tăng 07 vụ, 45 đối tượng so cùng kỳ), đã xử lý theo quy định; phát hiện 95 đối tượng dương tính với chất ma túy, đưa vào quản lý 94 đối tượng (tăng 23 đối tượng so cùng kỳ), trong đó có 52 đối tượng nghiện (tăng 40 đối tượng).

Phát hiện 2.000 trường hợp vi phạm trật tự an toàn giao thông, xử phạt 1.318 trường hợp với tổng số tiền 984 triệu đồng. Xảy ra 07 vụ tai nạn giao thông (trong đó 05 vụ tai nạn giao thông nghiêm trọng, 02 vụ va chạm) làm chết 05 người, bị thương 03 người (giảm 01 vụ, 02 người chết, 03 người bị thương so cùng kỳ), kết quả đã khởi tố 03 vụ 03 bị can.

Tiếp 101 lượt công dân đến yêu cầu, kiến nghị, phản ánh, qua đó đã hướng dẫn, giải thích và chỉ đạo ngành chức năng, UBND xã, thị trấn giải quyết theo thẩm quyền. Tiếp nhận 03 đơn khiếu nại, kết quả giải quyết khiếu nại 01 đơn, trả lời 02 đơn do không đủ điều kiện thụ lý. Hoàn thành 05 cuộc thanh tra – đạt 100% kế hoạch, qua thanh tra đã thu hồi nộp hoàn ngân sách nhà nước 122,568 triệu đồng, kiểm điểm trách nhiệm 04 cá nhân, chấn chỉnh rút kinh nghiệm 02 tập thể, 06 cá nhân. Hoàn thành công tác kê khai và tiến hành công khai tài sản, thu nhập cho 395 người đạt 100%.

Công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2014 – 2018; công nhận 10 đơn vị xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2018. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật được 146 cuộc với 3.084 lượt người tham dự. Tổ chức 03 cuộc Hội nghị triển khai văn bản luật có 200 lượt người tham dự. Phối hợp với sở Tư pháp tổ chức hội nghị tập huấn bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho lực lượng hòa giải cơ sở có hơn 150 hòa giải viên tham gia tập huấn. Hòa giải ở cơ sở, hòa giải thành 137/158 vụ - đạt tỷ lệ 86,7%.

Thi hành án dân sự: thi hành xong 772/1.042 việc có điều kiện thi hành - đạt 74,09%; số tiền đã thi hành 6.466 triệu đồng/24.527 triệu đồng có điều kiện giải quyết - đạt 26,36%.

Quyết định giao biên chế và điều chỉnh biên chế tại các cơ quan Hành chính, đơn vị sự nghiệp trực thuộc. Triển khai kế hoạch thực hiện Đề án điều động Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã trên địa bàn huyện Thạnh Trị. Trình HĐND huyện miễn nhiệm, bầu bổ sung thành viên UBND huyện nhiệm kỳ 2016 – 2021; phê chuẩn kết quả miễn nhiệm, bầu bổ sung chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND các xã, thị trấn 09 trường hợp. Thực hiện kịp thời các chế độ chính sách, nâng lương thường xuyên, phụ cấp thâm niên nghề, thôi giữ chức danh, nghỉ việc... 2.242 trường hợp. Quyết định nghỉ việc theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP 14 trường hợp; trình Sở Nội vụ phê duyệt tinh giản biên chế theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP đợt 1 năm 2020 cho 21 trường hợp. Thực hiện tốt các nhiệm vụ cải cách hành chính theo kế hoạch đề ra; tổ chức Hội thi tìm hiểu về cải cách hành chính năm 2019; thực hiện tốt công tác phục vụ kiểm tra, đánh giá năng lực làm việc, kỹ năng giao tiếp và mức độ am hiểu đối với 80 công chức cấp xã. Thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng và công tác thi đua, khen thưởng theo kế hoạch.

II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG

Nhìn chung, năm 2019 tình hình kinh tế - xã hội của huyện có nhiều chuyển biến tích cực: Sản xuất nông nghiệp chuyển dịch đúng hướng, thực hiện Đề án tái cơ cấu nông nghiệp mang lại hiệu quả khả quan, nông dân sản xuất có lãi; 22/24 chỉ tiêu kinh tế - xã hội đạt và vượt so với kế hoạch và Nghị quyết HĐND. Cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp phát triển ổn định; giá trị công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đạt kế hoạch. Thu ngân sách đạt chỉ tiêu, thực hành tiết kiệm trong quản lý chi ngân sách đảm bảo đúng quy định, chất lượng tín dụng từng bước được nâng lên, tỷ lệ nợ quá hạn giảm so cùng kỳ. Lĩnh vực Văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ, các hoạt động văn hóa văn nghệ, TDTT phong phú đa dạng từ hình thức đến nội dung, đáp ứng tốt nhu cầu đời sống tinh thần của nhân dân; đảm bảo các chính sách an sinh xã hội; giải quyết kịp thời các vấn đề xã hội phát sinh; giữ vững ổn định chính trị và quốc phòng an ninh trên địa bàn, tai nạn giao thông giảm trên cả 03 tiêu chí, tỷ lệ khám phá án đạt theo kế hoạch; công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại tố cáo của công dân được kịp thời đúng quy định pháp luật. Tổ chức bộ máy, cải cách hành chính, chất lượng, lề lối làm việc của cán bộ công chức ngày càng được nâng lên.

Bên cạnh kết quả đạt được, quá trình triển khai thực hiện cũng còn những khó khăn nhất định: thực hiện Đề án tái cơ cấu nông nghiệp chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi chưa chuyển biến mạnh mẽ, giải pháp chưa đồng bộ; tổ chức sản xuất (hợp tác xã, tổ kinh tế hợp tác) một số nơi còn hình thức, kém hiệu quả. Bệnh dịch tả heo Châu Phi ảnh hưởng đến chỉ tiêu đàn heo không đạt so kế hoạch. Dịch bệnh sốt xuất huyết tăng so cùng kỳ. Công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực xây dựng dân dụng còn lỏng lẻo, việc chấp hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính còn chưa nghiêm. Trật tự xã hội (trộm cắp), tệ nạn xã hội (ma túy) chiều hướng tăng. Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật tuy có thực hiện nhưng chưa thường xuyên, ý thức tự giác chấp hành pháp luật của một bộ phận người dân còn thấp; công tác thi hành án dân sự tuy được quan tâm chỉ đạo, số việc thi hành án đạt chỉ tiêu nhưng số tiền có điều kiện thi hành chưa đạt theo kế hoạch trên giao.

Phần thứ hai
MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2020

I. MỤC TIÊU

Năm 2020 là năm cuối thực hiện Nghị quyết Đại hội đảng bộ huyện lần thứ XI, tập trung thực hiện hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra; trọng tâm là: thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới; tập trung các nguồn lực đầu tư nâng cao đời sống nhân dân; tăng cường công tác quốc phòng – an ninh, giữ vững trật tự an toàn xã hội. Đẩy mạnh cải cách hành chính, triển khai có hiệu quả Đề án văn hóa công vụ và phong trào thi đua “Cán bộ, công chức, viên chức huyện Thạnh Trị thi đua thực hiện văn hóa công sở” giai đoạn 2019 - 2025; giải quyết tốt các thủ tục hành chính đảm bảo sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

II. CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Giá trị sản phẩm thu hoạch trên 1 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản đạt 150 triệu đồng (giá hiện hành).
2. Giá trị sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản 3.037 tỷ đồng (theo giá so sánh).
3. Sản lượng lúa bình quân đạt 375.190 tấn/năm (trong đó: có 80% lúa đặc sản).
4. Sản lượng màu và cây công nghiệp ngắn ngày 172.800 tấn.
5. Đàn heo 40.000 con; tổng đàn trâu - bò: 11.800 con; đàn gia cầm 1.300.000 con. Sản lượng thủy sản 12.500 tấn.
6. Xã Vĩnh Thành và Lâm Kiệt đạt 19/19 tiêu chí nông thôn mới; các xã còn lại đạt từ 16 tiêu chí. Xã Vĩnh Lợi và Lâm Tân đạt nông thôn mới nâng cao.
7. Thành lập mới 02 Hợp tác xã.
8. Tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh 100%.
9. Giá trị sản xuất công nghiệp 680 tỷ đồng (giá so sánh năm 2010).
10. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 4.200 tỷ đồng.
11. Thu ngân sách nhà nước 31.050 triệu đồng (trong đó thu cân đối 29.540 triệu đồng).
12. Tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ 15%, Mẫu giáo 90%. Tỷ lệ huy động học sinh đi học đúng độ tuổi cấp tiểu học 99,5%; Trung học cơ sở 97%; Trung học phổ thông 70%.
13. Tỷ lệ trường học đạt chuẩn Quốc gia đạt 85,71% (04 trường).
14. Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống còn 10%; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 0,9%. Giảm tỷ suất sinh là 0,07‰.
15. Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn nguy hại (rác thải y tế) 100%.
16. Tỷ lệ xã, thị trấn đạt 10 tiêu chí Quốc gia về y tế xã là 100%. Tỷ lệ xã có bác sĩ phục vụ là 100%.

17. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế 98%; trong đó: tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế theo hộ gia đình 80,6%; tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc 97,60%.

18. Giải quyết việc làm mới 3.500 người (trong đó, xuất khẩu lao động 30 người).

19. Dạy nghề (kể cả tư nhân) 3.500 người.

20. Giảm tỷ lệ hộ nghèo 3%, trong đó, hộ Khmer 5%. Giảm tỷ lệ hộ cận nghèo 2%.

21. Tỷ lệ cơ sở sản xuất đạt tiêu chuẩn môi trường 100%.

22. Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị, công nghiệp, dịch vụ đạt tiêu chuẩn môi trường 100%.

23. Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt khu dân cư nông thôn đạt tiêu chuẩn môi trường 70%.

24. Tỷ lệ cơ sở sản xuất mới xây dựng phải áp dụng công nghệ sạch hoặc được trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm, xử lý chất thải 100%.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nông nghiệp và phát triển nông thôn

Tiếp tục thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020 gắn với xây dựng nông thôn mới. Triển khai Đề án điều chỉnh, bổ sung quy hoạch nông nghiệp, nông thôn huyện Thạnh Trị đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

Chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp phù hợp tình hình địa phương. Phối hợp các Viện, Trường, Trung tâm giống chọn tạo và đưa vào sản xuất các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, để tạo bước đột phá về chất lượng sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh, nâng cao giá trị gia tăng gắn với liên kết doanh nghiệp tạo đầu ra cho sản phẩm nông sản.

Tăng cường công tác điều tra, dự tính, dự báo tình hình dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi. Từ đó có giải pháp phòng trừ dịch bệnh kịp thời, không để phát sinh thành dịch lây lan trên diện rộng. Triển khai có hiệu quả các công trình, dự án thủy lợi khép kín, đáp ứng nhu cầu sản xuất.

Củng cố nâng cao chất lượng hoạt động của các HTX, THT. Quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng, tạo điều kiện cho các HTX, THT hoạt động.

Nâng cao hiệu quả các chương trình, dự án, chuỗi giá trị: Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm”; dự án VnSAT; chuỗi giá trị gạo Tài nguyên, bò thịt, rau màu theo hướng công nghệ cao, nhân giống lúa đặc sản, sản xuất lúa đặc sản theo hướng hữu cơ, khóm vùng trũng phèn.

Đẩy mạnh các giải pháp chủ yếu thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới đạt chỉ tiêu đề ra, trong đó tập trung các giải pháp tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân cùng tham gia thực hiện các tiêu chí thuộc trách nhiệm của người dân.

2. Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ

Tăng cường giải pháp phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp theo tinh thần Kế hoạch số 55-KH/HU, ngày 13/11/2017 của Huyện ủy Thạnh Trị về thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU, ngày 17/7/2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh

về phát triển công nghiệp, tiêu thủ công nghiệp tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020, định hướng đến năm 2025.

Triển khai tốt chính sách khuyến công, phát huy thế mạnh các ngành nghề truyền thống gắn với dịch vụ nhằm tạo việc làm, thu nhập ổn định cho người dân. Phối hợp triển khai các giải pháp phòng chống gian lận thương mại, hàng giả, hàng kém chất lượng trên địa bàn.

Tập trung các giải pháp lập lại trật tự hành lang an toàn đường bộ, đường thủy trên địa bàn huyện. Thực hiện tốt công tác duy tu, bảo dưỡng các công trình giao thông nông thôn; quản lý an toàn giao thông đường bộ và đường thủy nội địa. Sắp xếp trật tự mua bán tại các điểm chợ, phục vụ tốt nhu cầu luân chuyển hàng hoá của người dân, tích cực tuyên truyền phòng, chống cháy nổ. Tập trung công tác chỉnh trang đô thị chuẩn bị đón Tết nguyên đán Canh Tý 2020.

3. Tài chính - tín dụng và đầu tư công

Triển khai đồng bộ các giải pháp trong quản lý, điều hành ngân sách nhà nước đảm bảo đúng quy định pháp luật. Thực hiện thu ngân sách, thu hồi các khoản nợ đọng và các nguồn quỹ theo quy định. Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ thuế; thực hiện tốt các giải pháp tăng thu và kiểm soát chặt chẽ nguồn thu.

Chi ngân sách nhà nước tuân thủ đúng dự toán và quy định pháp luật, hạn chế tối đa việc chi quản lý hành chính phát sinh ngoài dự toán. Thực hiện nghiêm chế độ kế toán, chứng từ trong các cơ quan thụ hưởng ngân sách nhà nước.

Tiếp tục thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn theo Luật Đầu tư công và kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020; triển khai Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 của huyện. Tăng cường công tác giám sát các dự án được triển khai, đảm bảo giải ngân đúng tiến độ, quyết toán đúng thời gian quy định; phát huy vai trò giám sát cộng đồng, tạo điều kiện cho nhân dân tham gia giám sát chất lượng công trình.

Các Tổ chức tín dụng trên địa bàn đảm bảo nguồn vốn phục vụ nhu cầu sản xuất, kinh doanh; tăng cường công tác thu nợ, hạn chế tỷ lệ dư nợ quá hạn. Nâng cao chất lượng hoạt động của các Quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn.

4. Văn hóa - xã hội, tài nguyên và môi trường

Xác định công tác thông tin tuyên truyền nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội của địa phương là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của huyện, nâng cao chất lượng cũng như đổi mới phương thức nội dung hoạt động đảm bảo phục vụ tốt tinh thần của người dân. Tổ chức hiệu quả các hoạt động văn hóa văn nghệ, TDTT nhân các sự kiện trọng đại của đất nước và tham gia tốt các phong trào do tỉnh tổ chức. Phát huy hiệu quả các thiết chế văn hóa cơ sở. Thực hiện đánh giá các tiêu chí áp văn hóa, hộ văn hóa nông thôn mới theo Quyết định 217/QĐ-UBND, ngày 08/02/2017 của UBND tỉnh. Tăng cường quản lý nhà nước trên lĩnh vực văn hóa du lịch, phát huy hiệu quả của Đội kiểm tra liên ngành 814 của huyện, thực hiện Chương trình hành động số 12-Ctr/TU ngày 03/01/2017 của Tỉnh ủy Sóc Trăng về thực hiện Nghị định số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XI về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội

nhập quốc tế.

Sắp xếp mạng lưới trường lớp các cấp học theo Đề án số 04 của Huyện ủy; đảm bảo huy động học sinh trong độ tuổi ra lớp đạt chỉ tiêu, duy trì kết quả phổ cập giáo dục. Triển khai có hiệu quả kế hoạch giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông theo Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ. Tăng cường hiệu quả công tác giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh, đảm bảo an ninh, an toàn trường học.

Phát triển mạng lưới y tế cơ sở, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh chăm sóc sức khỏe nhân dân, quan tâm gia đình chính sách và người nghèo, người dân tộc, vùng sâu, vùng xa. Tổ chức triển khai có hiệu quả chương trình y tế tiêm chủng mở rộng. Tăng cường kiểm tra hoạt động các cơ sở y tế tư nhân, an toàn vệ sinh thực phẩm; tuyên truyền, giáo dục, tư vấn kế hoạch hóa gia đình, chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số.

Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, triển khai có hiệu quả các mô hình giảm nghèo, cận nghèo, đặc biệt quan tâm gia đình chính sách nghèo, đồng bào dân tộc.

Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/HU ngày 28/8/2015 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện và Chương trình hành động số 1282/CTr-UBND ngày 31/12/2015 của UBND huyện về công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2015 - 2020. Quan tâm đào tạo các ngành nghề phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động, đồng thời phối hợp tốt với các công ty, doanh nghiệp để giải quyết việc làm cho lao động; triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 20/KH-UBND, ngày 25/02/2019 của UBND huyện Thạnh Trị thực hiện Đề án thí điểm về chính sách hỗ trợ vốn vay đối với người lao động đi làm việc ở các nước Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan theo hợp đồng, giai đoạn 2019 - 2021.

Tổ chức công khai, triển khai kế hoạch sử dụng đất năm 2020 đã được UBND tỉnh phê duyệt. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về đất đai, quản lý đất công gắn với tài sản công, quản lý tài nguyên khoáng sản. Quan tâm công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giải quyết kịp thời các yêu cầu của người dân có liên quan đến đất đai.

Tập trung các giải pháp bảo vệ môi trường, vệ sinh môi trường, thu gom và xử lý rác thải. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động người dân nêu cao tinh thần trách nhiệm ý thức tự giác bảo vệ môi trường. Quản lý chặt chẽ các cơ sở sản xuất kinh doanh thực hiện đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường.

5. Quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội, thanh tra - tư pháp - nội vụ

Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, đặc biệt là bảo vệ an toàn cao điểm các ngày lễ và các sự kiện chính trị trọng đại của đất nước và địa phương. Tổ chức chặt chẽ đúng quy trình các bước tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2020. Thực hiện tốt việc đăng ký, quản lý quân nhân xuất ngũ theo quy định. Bảo đảm đầy đủ, kịp thời các chế độ, tiêu chuẩn hậu cần thường xuyên cho các lực lượng trong huấn luyện, diễn tập và các mặt công tác khác.

Tăng cường công tác giữ gìn an ninh trật tự địa phương, mở cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, triệt xóa các điểm tệ nạn xã hội, buôn bán, vận chuyển, tàng trữ hàng cấm, sử dụng trái phép chất ma túy. Thực hiện tốt công tác chuyên hóa địa bàn theo kế hoạch. Tăng cường tuần tra kiểm soát, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trật tự an toàn giao thông, phấn đấu giảm tai nạn giao thông trên cả ba tiêu chí.

Duy trì công tác tiếp công dân định kỳ và thường xuyên theo quy định. Triển khai công tác thanh tra theo kế hoạch. Đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng năm 2019 theo chỉ đạo của UBND tỉnh. Thực hiện công tác kê khai tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn huyện năm 2019.

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật bằng nhiều hình thức và nội dung phong phú. Phấn đấu đưa 100% vụ việc tiếp nhận ra hòa giải, tỷ lệ hòa giải thành ở cơ sở đạt từ 80% trở lên. Tổ chức chấm điểm, công nhận xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2019. Tập trung thực hiện có hiệu quả các giải pháp trong thi hành án dân sự đảm bảo số việc, số tiền có điều kiện thi hành đạt chỉ tiêu trên giao.

Tập trung các giải pháp thực hiện tốt các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức theo quy định. Đánh giá cán bộ, công chức, viên chức năm 2019. Chấm điểm chỉ số cải cách hành chính cấp huyện, cấp xã năm 2019. Xét công nhận chính quyền trong sạch vững mạnh năm 2019. Chuẩn bị bầu cử Trưởng ban, Phó Trưởng ban nhân dân ấp. Tiếp tục sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức, những người hoạt động không chuyên trách theo Đề án số 04-ĐA/HU ngày 02/10/2018 của Huyện ủy. Tiếp tục triển khai kế hoạch thực hiện Đề án điều động Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã trên địa bàn huyện Thạnh Trị. Xây dựng Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác theo Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng. Giao biên chế các cơ quan Hành chính nhà nước; tổng số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp và hợp đồng theo Nghị định 68 tại các cơ quan Hành chính đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện. Tổ chức tổng kết hội nghị điển hình tiên tiến giai đoạn 2015 - 2020 cấp huyện, cấp xã.

Trên đây là tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2019 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 của huyện Thạnh Trị.

Nơi nhận :

- TT. UBND tỉnh;
- TT Huyện ủy, TT.HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các ban, phòng, ngành cấp huyện;
- UBND các xã (TT);
- Lưu: VP(VT-NC)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Sơn Phương

PHỤ LỤC
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2019, KẾ HOẠCH NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số: 263 /BC-UBND ngày 05/12/2019 của UBND huyện Thạnh Trị)



	ĐVT	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ %	Kế hoạch năm 2020	Ghi chú
I. Nông nghiệp - nông thôn						
1. Giá trị sản phẩm thu hoạch/ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản (theo giá hiện hành)	Triệu/ha	142	142	100,00	150	
2. Giá trị sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (giá so sánh 2010)	tỷ đồng	3.022	3.022	100,00	3.037	
3. Cây lúa						
- Lúa cả năm						
+ Diện tích	Ha	54.932	55.196	100,48	55.175	
+ Năng suất	Tấn/ha	6,77	6,79	100,30	6,80	
+ Tổng sản lượng	Tấn	371.890	374.781	100,78	375.190	
TĐ: lúa đặc sản	%	80	72,47	90,59	80	
- Lúa thu đông						
+ Diện tích	Ha	8.000	8.550	106,88	8.743	
+ Năng suất	Tấn/ha	7,15	7,04	98,46	7,15	
+ Sản lượng	Tấn	57.200	60.192	105,23	62.512	
- Lúa đông xuân						
+ Diện tích	Ha	23.466	23.158	98,69	22.966	
+ Năng suất	Tấn/ha	7,2	7,24	100,56	7,30	
+ Sản lượng	Tấn	168.955	167.664	99,24	167.652	
- Lúa hè thu						
+ Diện tích	Ha	23.466	23.488	100,09	23.466	
+ Năng suất	Tấn/ha	6,2	6,26	100,97	6,21	
+ Sản lượng	Tấn	145.489	147.035	101,06	145.724	
4. Mâu và cây công nghiệp ngắn ngày	Ha	10.679	10.742	100,59	10.800	
- Năng suất	Tấn/ha	16	16	100,00	16	
- Sản lượng	tấn	170.864	171.872	100,59	172.800	
5. Chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản						
5.1 Đàn heo	Con	60.700	54.630	90,00	40.000	



Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ %	Kế hoạch năm 2020	Ghi chú
5.2 Đàn trâu, bò	"	11.600	11.765	101,42	11.800	
+ TĐ : Bò	"	7.800	8.264	105,95	8.300	
5.3 Đàn gia cầm	1000 con	1.300	1.329,4	102,26	1.300	
5.4 Thủy sản	Ha					
- Diện tích nuôi thủy sản	"	4.000	4.023	100,58	4.300	
- Tổng sản lượng thủy sản	tấn	12.000	12.000	100,00	12.500	
6. Hợp tác xã	HTX	¹ (lũy kế 14)	² (lũy kế 15)	200,00	² (lũy kế 17)	
7. Xã đạt 19 tiêu chí NTM	Xã	1		-	2	
- Xã đạt từ 16 tiêu chí NTM trở lên		4	2	50,00	3	
- Xã đạt NTM nâng cao					2	
8. Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh nông thôn	%	100	100	100	100	
II. Công nghiệp						
9. GTSX công nghiệp	Tỷ đồng	250	300	120,00	680	
+ Hộ có điện mới trong năm	Hộ	100	465	465		
+ Hộ có điện mới là hộ khmer	"	30	88	293,33		
10. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội	Tỷ đồng	4.000	4.200	105	4.200	
III. Tài chính - ngân sách						
11. Tổng thu ngân sách	Triệu đồng	30.200	32.100	106,29	31.050	
- Thu cân đối	Triệu đồng				29.540	
IV. Văn hóa - xã hội						
12. Giáo dục						
12.1. Học sinh năm học	Học sinh	20.650	19.488	94,37	19.450	
- Mầm non	"	4.250	3.378	79,48	3.450	
+ Nhà trẻ	"	250	195	78,00	200	
+ Mẫu giáo	"	4.000	3.183	79,58	3.250	
- Tiểu học	"	8.900	8.809	98,98	8.600	
- Trung học cơ sở	"	5.250	5.069	96,55	5.200	
- Phổ thông trung học	"	2.250	2.232	99,20	2.200	
12.2. Tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đi học						

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ %	Kế hoạch năm 2020	Ghi chú
- Mầm non						
+ Nhà trẻ	%	15	15,03	100,20	15	
+ Mẫu giáo	"	93	86,99	93,54	90	
- Tiểu học	"	99,5	99,64	100,14	99,5	
- Trung học cơ sở	"	97	97,00	100,00	97	
- Phổ thông trung học	"	70	67,00	95,71	70	
12.3. Giáo dục không chính quy						
+ Phổ cập giáo dục tiểu học	Người	40	40	100,00	50	
+ Phổ cập giáo dục THCS	"	130	130	100,00	130	
+ Xoá mù chữ từ 15-60 tuổi	"	100	100	100,00	80	
12.4. Xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục TH	Xã	10	10	100	10	
- Xã, thị trấn đạt chuẩn GD tiểu học đúng độ tuổi	"	10	10	100	10	
12.5. Tỷ lệ xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập THCS	%	100	100	100	100	
13. Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	71,11	76,19	107	85,71	
- Số Trường đạt chuẩn quốc gia	Trường	4	4	100	4	
14. Dân số - KHHGD						
- Tăng dân số tự nhiên	%	0,93	0,93	100	0,90	
+ Tỷ suất sinh	‰	13,31	13,31	100	13,24	
+ Tỷ suất tử	‰	4,03	4,03	100	4,24	
- Giảm tỷ suất sinh	‰	0,05	0,05	100	0,07	
- Tỷ lệ áp dụng b/pháp tránh thai hiện đại	%	74,70	74,70	100	74,80	
15. Tỷ lệ xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế xã	%	100	100	100	100	
- Số xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế (theo tiêu chí mới)	Xã	10	10	100	10	
- Tỷ lệ xã có Bác sĩ phục vụ	%	100	100	100	100	
- Tổng số giường bệnh	Giường				150	
- Trẻ em < 5 tuổi SDD	%	10	10	100	10	
- Tiêm chủng đầy đủ trẻ em < 1 tuổi	%	99	90	91	99	
16. Tỷ lệ số dân tham gia bảo hiểm y tế	%	98,20	98,22	100,02	98	
- Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế theo hộ gia đình	%	80,60	73,29	90,93	80,6	
- Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc	%	99,9	93,35	93,44	97,6	

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ %	Kế hoạch năm 2020	Ghi chú
17. Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn nguy hại đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100	100	100	100	
18. Giải quyết việc làm mới	Người	3.000	3.153	105,10	3.500	
+ Xuất khẩu lao động	"	30	33	110,00	30	
19. Dạy nghề (Kể cả dạy nghề tư nhân)	"	3.000	3.049	101,63	3.500	
20. Giảm tỷ lệ hộ nghèo (so với tổng số hộ)	%	trên 4%	4,87	121,75	3	
(trong đó: giảm tỷ lệ hộ nghèo người Khmer)	"	trên 5%	7,61	152,20	5	
- Số hộ nghèo giảm trong năm	Hộ	1.018	1.101	108,15	667	
+ Hộ khmer	"	454	581	127,97	377	
- Số hộ nghèo cuối năm	"	1.553	1.488	104,37	821	
+ Hộ khmer	"	934	814	114,74	437	
- Tỷ lệ hộ nghèo cuối năm	%	trên 2%	6,69		3,69	
- Giảm tỷ lệ hộ cận nghèo (so với tổng số hộ)	"	2,05	3,31	161,46	2	
+ Số hộ cận nghèo giảm trong năm	Hộ	455	1.127	247,69	445	
+ Hộ cận nghèo cuối năm	"	2.454	2.174	112,88	1.729	
+ Tỷ lệ hộ cận nghèo cuối năm	%	11,03	9,77	112,90	7,77	
V. Môi trường						
21. Cơ sở SXKD đạt tiêu chuẩn môi trường	%	99	99	100	100	
22. Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, đô thị công nghiệp dịch vụ đạt tiêu chuẩn môi trường.	%	99	99	100	100	
23. Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt khu dân cư nông thôn đạt tiêu chuẩn môi trường	%	65	65	100	70	
24. Tỷ lệ cơ sở sản xuất mới xây dựng phải áp dụng công nghệ sạch hoặc được trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm, xử lý chất thải	%	100	100	100	100	

Ghi chú: Chỉ tiêu đàn gia súc, gia cầm tính lũy kế; học sinh đầu năm học tính thời điểm 03/9; chỉ tiêu hộ nghèo tính thời điểm 30/10